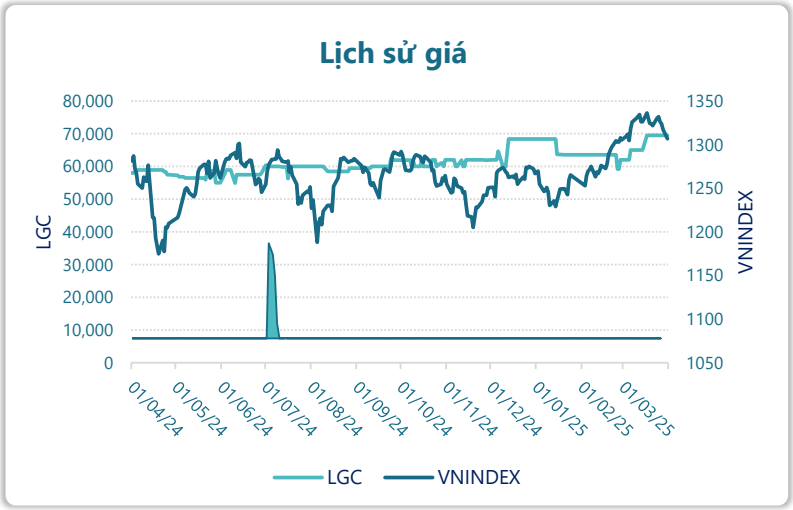
FireAnt

CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**69,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	69,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	54,922
SL cổ phiếu LH	192,854,765
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
% sở hữu nước ngoài	45.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,403
P/E	23.8
EPS	2,916

DT thuần

Q1/25

635

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.0| 3.2%

YoY: ▼35.0| -5.2%

LN sau thuế

Q1/25

210

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 58.0| 38.2%

YoY: ▲ 19.0| 10.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

73.2%

+/- YoY: ▼ 8.8%

DT thuần

2024

2,504

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 907| 56.8%

LN sau thuế

2024

792

tỷ VNĐ

YoY: ▼135| -14.6%

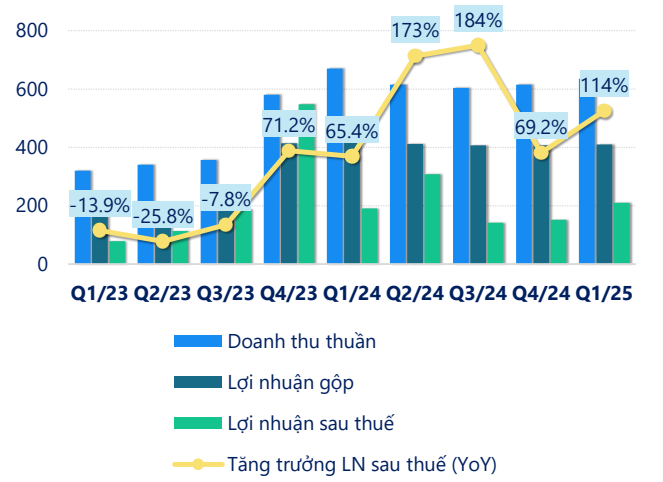
ROE

2024

9.8%

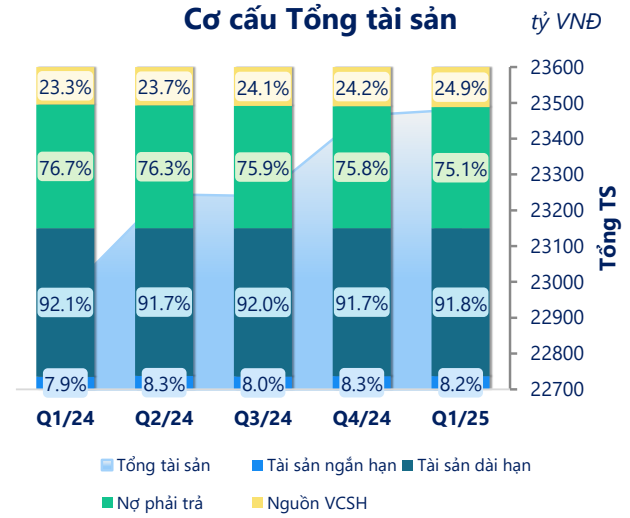
+/- YoY: ▼ 4.0%

Kết quả kinh doanh



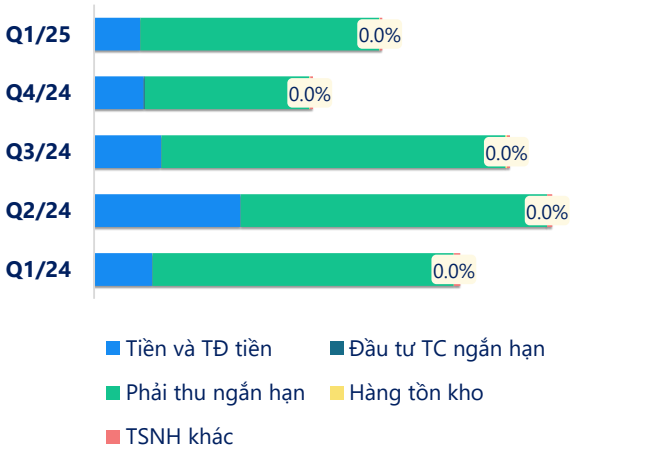
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



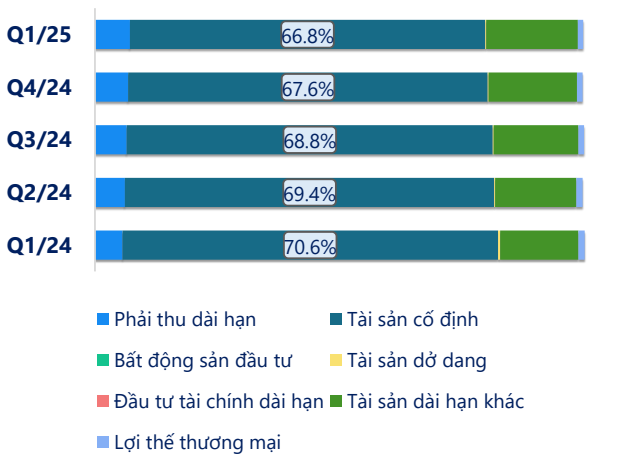
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



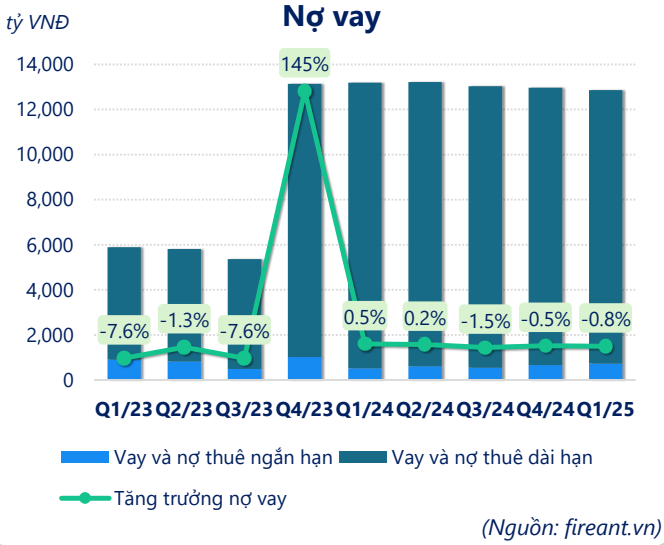
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



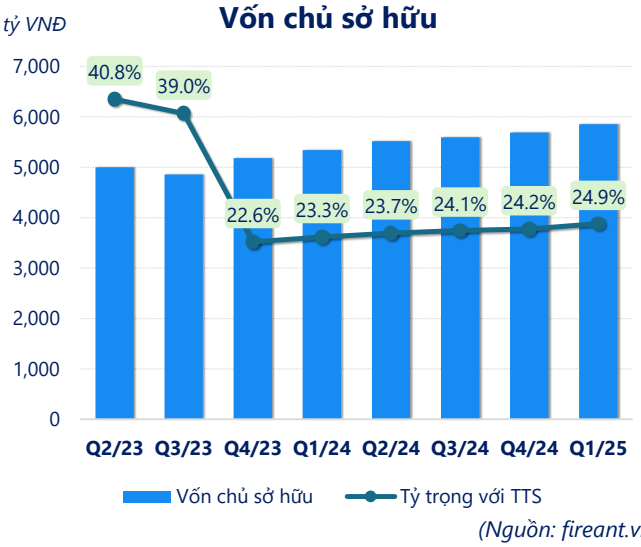
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



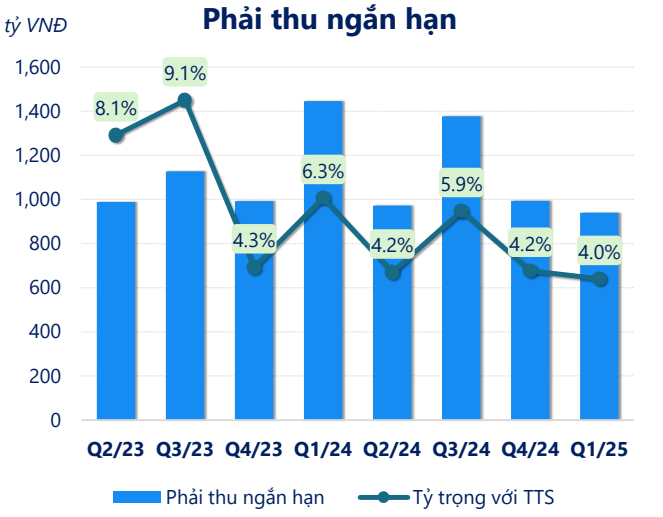
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



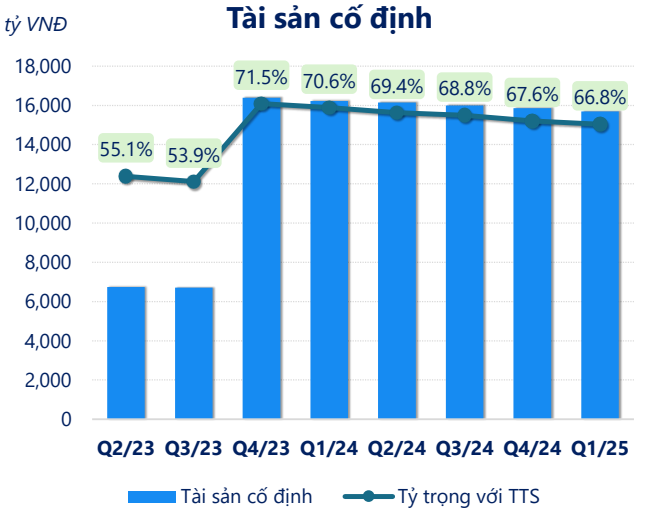
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



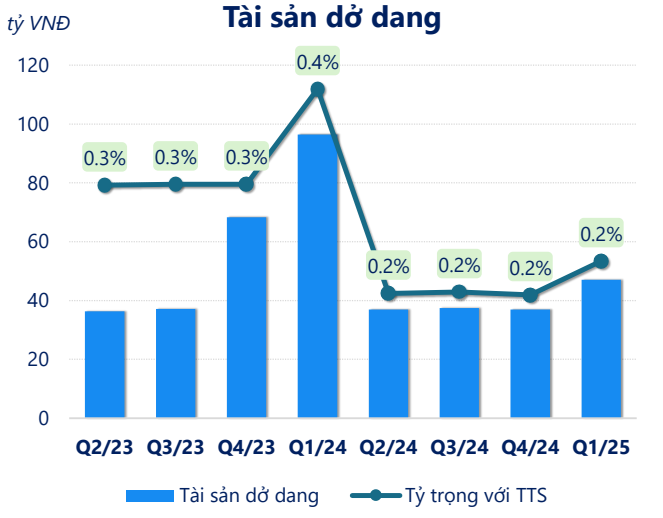
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



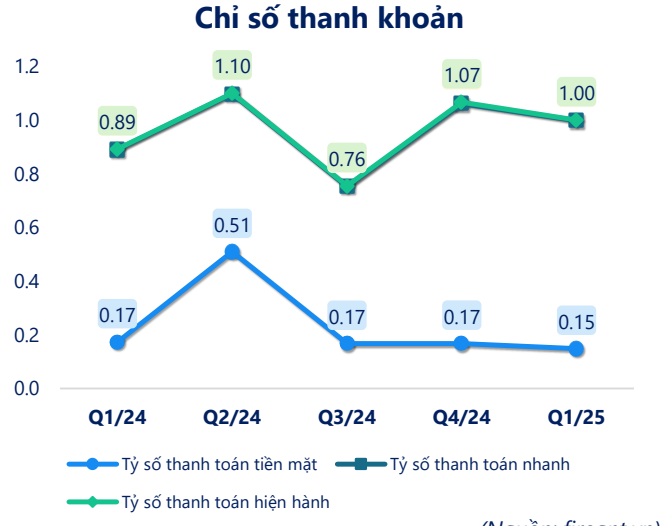
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



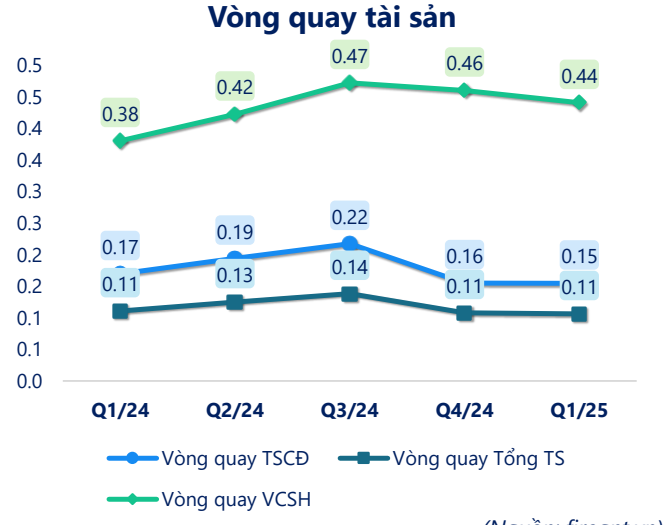
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**22,964**	**23,244**	**23,240**	**23,465**	**23,482**
Tài sản ngắn hạn	**1,816**	**1,934**	**1,857**	**1,944**	**1,916**
Tiền và tương đương tiền	352	896	411	305	285
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.64	50.6	50.6	624	674
Phải thu ngắn hạn	1,446	972	1,377	993	940
Hàng tồn kho	3.99	3.33	6.96	10.1	4.10
Tài sản ngắn hạn khác	13.2	11.9	11.0	11.2	13.0
Tài sản dài hạn	**21,148**	**21,310**	**21,383**	**21,521**	**21,566**
Phải thu dài hạn	1,186	1,312	1,390	1,470	1,539
Tài sản cố định	16,218	16,140	15,996	15,864	15,695
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	96.4	37.0	37.4	36.9	47.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3,376	3,559	3,706	3,904	4,047
Lợi thế thương mại	271	263	254	246	237
Nợ phải trả	**17,624**	**17,729**	**17,644**	**17,775**	**17,626**
Nợ ngắn hạn	**2,036**	**1,758**	**2,458**	**1,823**	**1,916**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	510	600	535	666	721
Phải trả người bán ngắn hạn	501	356	354	391	371
Nợ dài hạn	15,588	15,971	15,186	15,952	15,710
Vay và nợ thuê dài hạn	12,687	12,622	12,493	12,302	12,141
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,341**	**5,515**	**5,596**	**5,690**	**5,856**
Vốn chủ sở hữu	**5,341**	**5,515**	**5,596**	**5,690**	**5,856**
Vốn điều lệ	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)